CÔNG TY CỔ PHẦN MAY QUỐC TẾ THẮNG LỢI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 24

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần May Quốc tế Thắng Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần May Quốc tế Thắng Lợi là công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305132089 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 là 30.000.000.000 VND tương đương với 3.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UpCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TLI và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 01 năm 2019. Công ty đã hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định số 1501/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 12 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 5 đường 53, Phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: May trang phục (trừ tẩy nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da tại trụ sở);
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất thảm, chăn đệm. Chi tiết: May chăn, ga, gối; sản xuất sản phẩm nhồi bông (trừ tẩy nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi. Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày, dép. Chi tiết: Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, ga trải giường, vải lanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị máy công nghiệp.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là may trang phục (trừ tẩy nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da tại trụ sở).

Công ty có 01 chi nhánh: Chi nhánh Long An được đặt tại Lô LA5, Đường số 1, Khu công nghiệp Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Công ty đã giải thể chi nhánh Long An theo thông báo số 2805/TB-TNI ngày 16 tháng 09 năm 2025 của Thuế tỉnh Tây Ninh.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Lê Văn Trung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Quang Diệu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/01/2026
Ông Ngô Thơm	Thành viên	
Ông Lâm Duy Sự	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Khánh	Thành viên	
Ông Văn Hoàng Hưởng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/01/2026

Ban Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Diệu	Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 31/12/2025
Ông Lê Văn Trung	Phó Giám đốc điều hành	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Trâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thụy Khánh Linh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Lê Văn Trung	Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc điều hành

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2026 ngày 23 tháng 01 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua nguyên tắc và phương án thanh toán tài sản cho Cổ đông.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



LÊ VĂN TRUNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Số: 036/2026/BCKT-HCM.01535

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần May Quốc tế Thắng Lợi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Quốc tế Thắng Lợi (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 01 năm 2026, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Quốc tế Thắng Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 7.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính, các cổ đông của Công ty đã quyết định giải thể công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18 tháng 06 năm 2025. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc, giả định hoạt động liên tục không còn phù hợp, do đó Báo cáo tài chính được lập theo giả định không hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN	**LÊ HUỲNH BẢO**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2026-009-1

Người được ủy quyền
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A - TÀI SẢN	**100**		**24.587.880.976**	**35.576.784.889**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**12.624.762.612**	**12.030.026.251**
1. Tiền	111	5.1	1.224.762.612	5.030.026.251
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.400.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính	**120**		**8.000.000.000**	**8.000.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122	5.2	8.000.000.000	8.000.000.000
3. Đầu tư vào công ty con	123		-	-
4. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	124		-	-
5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	125		-	-
III. Các khoản phải thu	**130**		**788.109.579**	**6.877.761.427**
1. Phải thu của khách hàng	131	5.3 5.5	698.892.748	6.113.520.226
2. Trả trước cho người bán	132		-	37.800.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị phụ thuộc	133		-	-
4. Phải thu nội bộ	134		-	-
5. Phải thu về cho vay	135		-	-
6. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	136		-	-
7. Phải thu khác	137	5.4	89.216.831	726.441.201
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	5.6	**352.370.824**	**5.448.980.096**
V. Tài sản cố định	**150**		**-**	**796.427.320**
1. Tài sản cố định hữu hình	151	5.7	-	796.427.320
2. Tài sản cố định thuê tài chính	152		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	153	5.8	-	-
VI. Bất động sản đầu tư	**160**		**-**	**-**
VII. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**170**		**-**	**-**
VIII. Tài sản khác	**180**		**2.822.637.961**	**2.423.589.795**
1. Chi phí trả trước	181	5.9	-	27.980.490
2. Thuế GTGT được khấu trừ	182		2.822.637.961	2.395.609.305
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	183		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	184		-	-
5. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	185		-	-
6. Tài sản khác	186		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.469.872.231**	**5.913.407.095**
1. Phải trả người bán	311	5.10	59.302.508	2.050.347.739
2. Người mua trả tiền trước	312	5.11	27.609.190	74.041.815
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	216.978.026	19.730.373
4. Phải trả người lao động	314		476.513.665	2.902.622.111
5. Chi phí phải trả	315	5.13	179.500.000	342.227.134
6. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			-	-
7. Phải trả nội bộ khác	316		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện	318		-	-
10. Phải trả khác	319	5.14	844.179	15.313.260
11. Vay và nợ thuê tài chính	320		-	-
12. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
13. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
15. Dự phòng phải trả	321		-	-
16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.15	509.124.663	509.124.663
17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
18. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
19. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
C - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**23.118.008.745**	**29.663.377.794**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	5.16	**23.118.008.745**	**29.663.377.794**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.793.228.295	11.793.228.295
7. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.675.219.550)	(12.129.850.501)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		(12.129.850.501)	(11.150.822.662)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(6.545.369.049)	(979.027.839)
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**24.587.880.976**	**35.576.784.889**

LƯU TẤN LONG
Người lập biểu/ Kế toán trưởng

LÊ VĂN TRUNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY QUỐC TẾ THẮNG LỢI
Số 5 đường 53, Phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		**30.412.667.861**	**53.582.280.484**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.421.178.042	1.033.404.176
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	**28.991.489.819**	**52.548.876.308**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	26.455.977.032	42.580.094.181
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		**2.535.512.787**	**9.968.782.127**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	811.378.603	1.147.112.922
7. Chi phí tài chính	22	6.4	61.421.471	205.816.171
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	2.127.987.515	3.882.118.309
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.071.874.520	7.467.874.377
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		**(6.914.392.116)**	**(439.913.808)**
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.658.379.545	106.132.934
12. Chi phí khác	32	6.8	1.289.356.478	645.246.965
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		**369.023.067**	**(539.114.031)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		**(6.545.369.049)**	**(979.027.839)**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		**(6.545.369.049)**	**(979.027.839)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	**(2.182)**	**(327)**

M.S.D.N: 0305132089-C.T.C. CÔNG TY CỔ PHẦN MAY QUỐC TẾ THẮNG LỢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LƯU TẤN LONG
Người lập biểu/ Kế toán trưởng

LÊ VĂN TRUNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY QUỐC TẾ THẮNG LỢI
Số 5 đường 53, Phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	33.142.604.915	50.998.111.807
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(14.424.256.194)	(26.620.437.471)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.721.623.829)	(19.372.023.094)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	781.457.546	828.590.772
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.675.655.812)	(5.076.360.236)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	**(1.897.473.374)**	**757.881.778**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.935.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	557.209.735	502.769.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**2.492.209.735**	**(2.497.230.289)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	**-**	**-**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY QUỐC TẾ THẮNG LỢI
Số 5 đường 53, Phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**594.736.361**	**(1.739.348.511)**
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	**60**	**12.030.026.251**	**13.781.904.230**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(12.529.468)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**12.624.762.612**	**12.030.026.251**

LƯU TẤN LONG
Người lập biểu/ Kế toán trưởng

LÊ VĂN TRUNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Quốc tế Thắng Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305132089 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 là 30.000.000.000 VND tương đương với 3.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UpCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TLI và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 01 năm 2019. Công ty đã hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định số 1501/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 12 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 5 đường 53, Phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có 01 chi nhánh: Chi nhánh Long An được đặt tại Lô LA5, Đường số 1, Khu công nghiệp Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Công ty đã giải thể chi nhánh Long An theo thông báo số 2805/TB-TNI ngày 16 tháng 09 năm 2025 của thuế tỉnh Tây Ninh.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu và gia công sản phẩm may mặc.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: May trang phục (trừ tẩy nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da tại trụ sở);
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất thảm, chăn đệm. Chi tiết: May chăn, ga, gối; sản xuất sản phẩm nhồi bông (trừ tẩy nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi. Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày, dép. Chi tiết: Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, ga trải giường, vải lanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị máy công nghiệp.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là may trang phục (trừ tẩy nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da tại trụ sở).

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Lý do không đáp ứng giả định hoạt động

Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18 tháng 06 năm 2025.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 11 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 136 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là các chi phí liên quan đến nguyên vật liệu đã xuất dùng cho gia công, sản xuất hàng hóa cho khách hàng và chi phí nhân công.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 – 08 năm.

4.9 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

4.11 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.14 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
(d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

(b) Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các thành viên chủ chốt sau đây được xem là bên liên quan: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	134.687.446	509.507.083
Tiền gửi ngân hàng - VND	1.090.075.166	1.351.644.233
Tiền gửi ngân hàng - USD	-	3.168.874.935
Các khoản tương đương tiền (*)	11.400.000.000	7.000.000.000
	12.624.762.612	**12.030.026.251**

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn từ 01 đến 03 tháng, với lãi suất từ 2,25% đến 3,50%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	8.000.000.000	**8.000.000.000**	**8.000.000.000**	**8.000.000.000**

(*) Tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn 06 tháng, với lãi suất từ 2,85%/năm đến 5,80%/năm.

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
	VND	VND	VND	
Phải thu các khách hàng khác				
Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	581.365.192	581.365.192	1.686.696.304	1.686.696.304
Công ty TNHH Dịch vụ EB	117.527.556	117.527.556	234.611.741	234.611.741
Apparel Group Pty Ltd	-	-	2.190.082.135	2.190.082.135
Các khách hàng khác (*)	-	-	2.002.130.046	5.251.578.750
	698.892.748	**698.892.748**	**6.113.520.226**	**9.362.968.930**

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, khoản phải thu được trình bày theo giá đánh giá lại, xác định bằng giá gốc trừ (-) dự phòng phải thu khó đòi.

5.4 Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
- Hỗ trợ chi phí sản phẩm may bị lỗi Apparel Group Pty Ltd	-	-	166.184.651	166.184.651
- Lãi tiền gửi dự thu	-	-	93.974.658	93.974.658
- Tạm ứng nhân viên	-	-	13.249.369	13.249.369
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	75.000.000	75.000.000	375.000.000	375.000.000
- Các khoản phải thu khác	14.216.831	14.216.831	78.032.523	78.032.523
	89.216.831	**89.216.831**	**726.441.201**	**726.441.201**

5.5 Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng				
Blue Ambrosia Inc	-	-	2.654.776.478	-
Công ty Cổ phần Thương mại XNK và CN Chống giả Homart TPHCM	-	-	594.672.226	-
	-	**-**	**3.249.448.704**	**-**

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (*)	208.792.346	1.349.822.014	2.018.688.735	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	66.937.683	-
Thành phẩm (*)	89.284.498	232.450.470	2.954.050.739	-
Hàng hóa (*)	54.293.980	316.593.972	308.589.627	-
Hàng gửi đi bán	-	-	100.713.312	-
	352.370.824	**1.898.866.456**	**5.448.980.096**	**-**

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, hàng tồn kho được trình bày theo giá đánh giá lại, xác định bằng giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

5.7 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2025	2.945.013.677	2.644.950.808	329.312.364	5.919.276.849
Giảm do thanh lý	(2.945.013.677)	(2.644.950.808)	(214.087.364)	(5.804.051.849)
Giảm khác	-	-	(115.225.000)	(115.225.000)
Tại 31/12/2025	**-**	**-**	**-**	**-**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2025	2.235.491.469	2.558.045.696	329.312.364	5.122.849.529
Khấu hao trong năm	238.260.444	76.232.550	-	314.492.994
Giảm do thanh lý	(2.473.751.913)	(2.634.278.246)	(214.087.364)	(5.322.117.523)
Giảm khác	-	-	(115.225.000)	(115.225.000)
Tại 31/12/2025	**-**	**-**	**-**	**-**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	709.522.208	86.905.112	-	796.427.320
Tại 31/12/2025	**-**	**-**	**-**	**-**

5.8 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại 01/01/2025	313.400.000
Giảm khác	(313.400.000)
Tại 31/12/2025	**-**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại 01/01/2025	313.400.000
Giảm khác	(313.400.000)
Tại 31/12/2025	**-**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2025	-
Tại 31/12/2025	**-**

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	25.758.264
Chi phí trả trước khác	-	2.222.226
	-	**27.980.490**

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tuấn Thủy	59.302.508	59.302.508	59.302.508	59.302.508
Các nhà cung cấp khác	-	-	1.991.045.231	1.991.045.231
	59.302.508	**59.302.508**	**2.050.347.739**	**2.050.347.739**

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam	27.609.190	2.348.790
Các khách hàng khác	-	71.693.025
	27.609.190	**74.041.815**

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phát sinh trong năm			31/12/2025
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Chuyển khấu trừ	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	-	688.481.247	-	(688.481.247)	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.730.373	262.136.915	(64.889.262)	-	216.978.026
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
	19.730.373	**954.618.162**	**(68.889.262)**	**(688.481.247)**	**216.978.026**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(6.545.369.049)**	**(979.027.839)**
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.661.756.478	656.200.017
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(10.865.401)
Thu nhập chịu thuế	**(4.883.612.571)**	**(333.693.223)**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**-**	**-**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất thông thường là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Thù lao ban thanh lý	52.000.000	52.000.000	-	-
Chi phí phải trả khác	127.500.000	127.500.000	342.227.134	342.227.134
	179.500.000	**179.500.000**	**342.227.134**	**342.227.134**

5.14 Phải trả khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Phải trả cổ tức	-	-	8.563.150	8.563.150
Nhận ký quỹ, ký cược	-	-	5.000.000	5.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	844.179	844.179	1.750.110	1.750.110
	844.179	**844.179**	**15.313.260**	**15.313.260**

5.15 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2025	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	117.216.411	-	-	117.216.411
Quỹ phúc lợi	391.908.252	-	-	391.908.252
	509.124.663	**-**	**-**	**509.124.663**

5.16 Vốn chủ sở hữu

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	30.000.000.000	11.793.228.295	(11.150.822.662)	30.642.405.633
Lợi nhuận trong năm	-	-	(979.027.839)	(979.027.839)
Tại ngày 31/12/2024	**30.000.000.000**	**11.793.228.295**	**(12.129.850.501)**	**29.663.377.794**
Tại ngày 01/01/2025	30.000.000.000	11.793.228.295	(12.129.850.501)	29.663.377.794
Lợi nhuận trong năm	-	-	(6.545.369.049)	(6.545.369.049)
Tại ngày 31/12/2025	**30.000.000.000**	**11.793.228.295**	**(18.675.219.550)**	**23.118.008.745**

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
		VND	%		VND	%
Ông Lâm Duy Sự	389.840	3.898.400.000	12,99	389.840	3.898.400.000	12,99
Các cổ đông khác	2.610.160	26.101.600.000	87,01	2.610.160	26.101.600.000	87,01
	3.000.000	**30.000.000.000**	**100,00**	**3.000.000**	**30.000.000.000**	**100,00**

5.16.3 Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*3.000.000*	*3.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*3.000.000*	*3.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

5.17.1 Nguyên vật liệu, phụ liệu nhận gia công

	31/12/2025 Mét	01/01/2025 Mét
Vải các loại	74.695,79	612.451,79
	74.695,79	**612.451,79**

5.17.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2025 USD	01/01/2025 USD
Tiền gửi ngân hàng	-	125.301,50

5.17.3 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025		01/01/2025	
	USD	VND	USD	VND
Blue Ambrosia Inc	112.082,22	2.654.776.478	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại XNK và CN Chống giả Homart TPHCM	-	594.672.226	-	-
	112.082,22	**3.249.448.704**	**-**	**-**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.917.233.488	32.648.059.689
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	7.495.434.373	20.934.220.795
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	*(94.853.506)*	*(172.766.192)*
- Hàng bán bị trả lại	*(1.326.324.536)*	*(860.637.984)*
Doanh thu thuần	**28.991.489.819**	**52.548.876.308**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	20.552.285.903	31.041.251.032
Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	4.357.195.497	11.538.843.149
Trích lập phòng giảm giá hàng tồn kho	1.546.495.632	-
	26.455.977.032	**42.580.094.181**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	463.235.077	596.744.369
Lãi chênh lệch tỷ giá	348.143.526	550.368.553
	811.378.603	**1.147.112.922**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	61.421.471	198.300.258
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	7.515.913
	61.421.471	**205.816.171**

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	417.182.160	545.785.499
Chi phí vật tư, nhiên liệu	12.856.257	66.683.661
Phí hỗ trợ bán hàng	761.814.440	1.894.499.942
Phí xuất khẩu	635.068.611	632.113.798
Chi phí bán hàng khác	301.066.047	743.035.409
	2.127.987.515	**3.882.118.309**

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.188.454.637	5.546.497.446
Chi phí vật liệu quản lý	25.598.909	39.385.291
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.341.822	13.297.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.232.550	91.479.060
Thuế, phí và lệ phí	59.448.006	66.636.443
Chi phí thuê xưởng	480.000.000	900.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.236.798.596	810.578.869
	8.071.874.520	**7.467.874.377**

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.279.556.583	72.727.273
Thu nhập từ thanh lý thương hiệu may Thắng Lợi	60.000.000	-
Thu nhập khác	318.822.962	33.405.661
	1.658.379.545	**106.132.934**

6.8 Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	289.000.000	294.000.000
Chi quà tết, phúc lợi nhân viên	410.700.799	189.700.000
Chi phí khác	537.655.679	161.546.965
	1.289.356.478	**645.246.965**

6.9 Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

		Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	(6.545.369.049)	(979.027.839)
Các khoản điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	**(6.545.369.049)**	**(979.027.839)**
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	CP	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	**(2.182)**	**(327)**

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.595.728.523	8.132.659.421
Chi phí nhân công	16.784.455.850	22.567.044.179
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.492.994	409.159.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.691.883.051	4.964.378.063
Chi phí khác	2.636.156.508	15.780.197.297
	29.022.716.926	**51.853.438.580**

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương và các khoản thu nhập		
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Quang Diệu	309.660.692	427.179.000
Ông Lê Văn Trung	202.641.800	180.600.000
Ông Ngô Thơm	30.000.000	30.000.000
Ông Lâm Duy Sự	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Khánh	30.000.000	30.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	88.000.000	30.000.000
Ông Lưu Tấn Long	-	30.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hạnh	-	18.000.000
Bà Nguyễn Thụy Khánh Linh	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Thị Ngọc Trâm	36.000.000	18.000.000
	762.302.492	**829.779.000**

7.2 Thông tin khác

Trong năm tài chính, các cổ đông của Công ty đã quyết định giải thể công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18 tháng 06 năm 2025. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc, giả định hoạt động liên tục không còn phù hợp, do đó báo cáo tài chính được lập theo giả định không hoạt động liên tục.

7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2026 ngày 23 tháng 01 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua nguyên tắc và phương án thanh toán tài sản cho Cổ đông.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0305132089 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY QUỐC TẾ THẮNG LỢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LƯU TẤN LONG	**LÊ VĂN TRUNG**
Người lập biểu/ Kế toán trưởng	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
	TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026